

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 17. Luận giải về cách xử sự đối với giường, bệ và chỗ ở thuộc sở hữu Tăng đoàn

17. Mañcapīṭhādisaṅghikasenāsanesu paṭipajjitabbavinicchayakathā

17. Lời Thuyết Về Sự Quyết Định Cần Phải Thực Hành ở các Sàng Tọa Thuộc Tăng Như Giường, Ghế, v.v.

82. **Vihāre saṅghike seyyaṃ, santharitvāna pakkamoti saṅghike vihāre seyyaṃ santharitvāna aññattha vasitukāmatāya vihārato pakkamanam.** Tatrāyaṃ vinicchayo –

82. **(Câu kệ:)** Sau khi đã trải vật để nằm ở trú xứ của Tăng rồi ra đi, có nghĩa là việc trải vật để nằm ở trú xứ của Tăng rồi ra đi khỏi trú xứ do có ý muốn trú ở nơi khác. Ở đây, sự quyết định này như sau:

“Yo pana bhikkhu saṅghike vihāre seyyaṃ santharitvā vā santharāpetvā vā tam pakkamanto neva uddhareyya na uddharāpeyya anāpuccham vā gaccheyya, pācittiya”nti (pāci. 115) –

“Vị Tỳ-khưu nào, sau khi đã tự mình trải hoặc đã cho người khác trải vật để nằm trong trú xứ của Tăng, khi ra đi không tự mình dọn dẹp, không cho người khác dọn dẹp, hoặc đi mà không hỏi han, phạm tội Ưng Đối Trị.” (pāci. 115) –

Vacanato saṅghike vihāre seyyaṃ sayam santharitvā aññena vā santharāpetvā uddharaṇādīni akatvā parikkhittassa ārāmassa parikkhepaṃ, aparikkhittassa upacāraṃ atikkamantassa pācittiyaṃ.

Do lời dạy ấy, vị Tỳ-khưu tự mình trải vật để nằm hoặc cho người khác trải trong trú xứ của Tăng, không làm các việc như dọn dẹp v.v., khi vượt qua hàng rào của ngôi chùa có hàng rào, hoặc vượt qua vùng phụ cận của ngôi chùa không có hàng rào thì phạm tội Ưng Đối Trị.

Tattha **seyyā** nāma bhisī cimilikā uttarattharaṇaṃ bhūmattharaṇaṃ taṭṭikā cammakhaṇḍo nisīdanaṃ paccattharaṇaṃ tiṇasanthāro paṇṇasanthāroti dasavidhā. Tattha **bhisī**ti mañcakabhisi vā pīṭhakabhisi vā. **Cimilikā** nāma sudhādi-parikammakatāya bhūmiyā vaṇṇānurakkhaṇatthaṃ katā, tam heṭṭhā pattharitvā upari kaṭasāraṃ pattharanti. **Uttarattharaṇaṃ** nāma mañcapīṭhānaṃ upari attharitabbakapaccattharaṇaṃ. **Bhūmattharaṇaṃ** nāma bhūmiyaṃ attharitabbā

kaṭasārakādivikati. **Taṭṭikā** nāma tālapaṇṇehi vā vākehi vā katataṭṭikā. **Cammakhaṇḍo** nāma sīhabyagghadīpitaracchacammādīsipi yaṃ kiñci cammaṃ. Aṭṭhakathāsu hi senāsanaparibhoge paṭikkhittacammaṃ na dissati, tasmā sīhabyagghacammādīnaṃ pariharaṇeyeva paṭikkhepo veditabbo. **Nisīdananti** sadasaṃ veditabbaṃ. **Paccattharaṇa** nti pāvāro kojavoti ettakameva vuttaṃ. **Tiṇasanthāro**ti yesaṃ kesañci tiṇānaṃ santhāro. Esa nayo **paṇṇasanthāre**pi. Evaṃ pana imaṃ dasavidhaṃ seyyaṃ saṅghike vihāre santharitvā vā santharāpetvā vā pakkamantena āpucchitvā pakkamitabbaṃ, āpucchantena ca bhikkhumhi sati bhikkhu āpucchitabbo, tasmim̐ asati sāmaṇero, tasmim̐ asati ārāmiko, tasmim̐ asati yena vihāro kārito, so vihārasāmiko, tassa vā kule yo koci āpucchitabbo, tasmimpi asati catūsu pāsāṇesu mañcaṃ ṭhapetvā mañce avasesamañcapīṭhāni āropetvā upari bhisiādikaṃ dasavidhampi seyyaṃ rāsim̐ katvā dārubhaṇḍaṃ mattikābhaṇḍaṃ paṭisāmetvā dvāravātapānāni pidahitvā gamiyavattaṃ pūretvā gantabbaṃ.

Ở đây, **vật để nằm** có mười loại: nệm, tấm lót sàn, tấm trải bên trên, tấm trải đất, tấm chiếu, mảnh da, tọa cụ, tấm trải phụ, thảm cỏ, thảm lá. Trong ấy, **nệm** là nệm giường hoặc nệm ghế. **Tấm lót sàn** là loại được làm để bảo vệ màu sắc của sàn nhà đã được trang trí bằng vôi vữa, người ta trải nó ở dưới rồi trải tấm thảm dệt lên trên. **Tấm trải bên trên** là tấm trải phụ được trải lên trên giường và ghế. **Tấm trải đất** là các loại thảm dệt v.v. được trải trên mặt đất. **Tấm chiếu** là tấm chiếu làm bằng lá cọ hoặc bằng vỏ cây. **Mảnh da** là bất kỳ loại da nào, kể cả da sư tử, cọp, báo, linh cẩu. Trong các sách Chú giải, không thấy nói đến việc cấm sử dụng da trong việc thọ dụng sàng tọa, vì vậy nên hiểu rằng việc cấm chỉ áp dụng cho việc mang theo da sư tử, da cọp, v.v. **Tọa cụ** nên được hiểu là có cùng kích thước (với quy định). **Tấm trải phụ** chỉ được nói đến là tấm choàng hoặc tấm thảm len. **Thảm cỏ** là thảm làm bằng bất kỳ loại cỏ nào. Cách này cũng áp dụng cho **thảm lá**. Như vậy, người ra đi sau khi đã tự mình trải hoặc cho người khác trải mười loại vật để nằm này trong trú xứ của Tăng thì phải hỏi han rồi mới ra đi. Khi hỏi han, nếu có Tỳ-khưu thì phải hỏi Tỳ-khưu, nếu không có vị ấy thì hỏi sa-di, nếu không có vị ấy thì hỏi người phục vụ trong chùa, nếu không có người ấy thì hỏi người đã cho xây dựng trú xứ, tức là người chủ trú xứ, hoặc bất kỳ ai trong gia đình của người ấy cũng có thể được hỏi. Nếu cũng không có người ấy, thì nên đặt giường lên bốn tầng đá, chất các giường ghế còn lại lên giường, chất đóng mười loại vật để nằm gồm nệm v.v. lên trên, cất dọn đồ gỗ và đồ đất, đóng cửa chính và cửa sổ, làm tròn bốn phận của người ra đi rồi hãy đi.

Sace pana senāsaṇaṃ ovassati, chadanatthañca tiṇaṃ vā iṭṭhakā vā ānītā honti, sace ussaḥati, chādetabbaṃ. No ce sakkoti, yo okāso anovassako, tattha mañcapīṭhādīni nikkhipitvā gantabbaṃ. Sace sabbampi ovassati, ussaḥantena antogāme upāsakānaṃ ghare ṭhapetabbaṃ. Sace tepi “saṅghikaṃ nāma, bhante, bhāriyaṃ, aggidāhādīnaṃ bhāyāmā”ti na sampatichanti, abbhokāsepi pāsāṇānaṃ upari mañcaṃ ṭhapetvā sesaṃ pubbe vuttanayeneva nikkhipitvā tiṇehi ca paṇṇehi ca paṭicchādetvā gantaṃ vaṭṭati.

Yañhi tattha aṅgamattampi avasissati, taṃ aññesaṃ tattha āgatabhikkhūnaṃ upakāraṃ bhavissatīti. Uddharitvā gacchantena pana mañcapīṭhakavāṭaṃ sabbaṃ apānetvā saṃharitvā cīvaravaṃse laggetvāva gantabbaṃ. Pacchā āgantvā vasanakabhikkhunāpi puna mañcapīṭhaṃ ṭhāpayitvā gacchantena tatheva kātabbaṃ. Antokuṭṭato seyyaṃ bahikuṭṭe paññāpetvā vasāntena gamanakāle puna gahitaṭṭhāneyeva paṭisāmetabbaṃ. Uparipāsādato oropetvā heṭṭhāpāsāde vasantassapi eseva nayo. Rattitṭhānadivāṭṭhānesu mañcapīṭhaṃ paññāpetvā bahigamanakāle puna gahitaṭṭhāneyeva ṭhāpetabbaṃ.

Tuy nhiên, nếu sàng tọa bị đột, và cổ hoặc gối để lợp đã được mang đến, nếu có thể, thì nên lợp lại. Nếu không thể làm được, thì nên cất giường ghế v.v. vào chỗ không bị đột rồi hãy đi. Nếu tất cả đều bị đột, người nào có thể thì nên gửi ở nhà của người cận sự nam trong làng. Nếu họ cũng không nhận và nói rằng: “Thưa ngài, vật của Tăng là vật nặng nề, chúng con sợ hãi hỏa hoạn v.v.,” thì được phép đặt giường lên trên các tảng đá ở ngoài trời, cất dọn phần còn lại theo cách đã nói ở trên, che phủ bằng cỏ và lá rồi ra đi. Bởi vì, nếu dù chỉ một phần nhỏ còn sót lại ở đó, nó sẽ hữu ích cho các Tỳ-khưu khác đến sau. Tuy nhiên, người đi sau khi đã dọn dẹp thì phải tháo rời tất cả giường, ghế, cửa, thu dọn lại và treo lên sào phơi y rồi mới đi. Vị Tỳ-khưu đến ở sau đó, khi đi cũng phải đặt lại giường ghế như cũ. Người trải vật để nằm ở ngoài phòng rồi vào trong phòng ở, khi đi phải cất dọn lại đúng nơi đã lấy. Người mang từ lầu trên xuống lầu dưới ở cũng theo cách này. Người trải giường ghế ở chỗ nghỉ ban đêm và ban ngày, khi đi ra ngoài phải đặt lại đúng chỗ đã lấy.

83. Senāsanesu pana ayaṃ āpucchitabbānāpucchitabbavinicchayo – yā tāva bhūmiyaṃ dīghasālā vā paṇṇasālā vā hoti, yaṃ vā rukkhatthambhesu katagehaṃ upacikānaṃ uṭṭhānaṭṭhānaṃ hoti, tato pakkamantena tāva āpucchitvāva pakkamitabbaṃ. Tasmiñhi katipayāni divasāni ajaggiyamāne vammikāva santiṭṭhanti. Yaṃ pana pāsānapitṭhiyaṃ vā pāsānatthambhesu vā katasenāsaṇaṃ siluccayaleṇaṃ vā sudhālittasenāsaṇaṃ vā, yattha yattha upacikāsaṅkā natthi, tato pakkamantassa āpucchitvāpi anāpucchitvāpi gantaṃ vaṭṭati, āpucchanaṃ pana vattaṃ. Sace tādisēpi senāsane ekena passena upacikā ārohani, āpucchitvāva gantabbaṃ. Yo pana āgantuko bhikkhu saṅghikasenāsaṇaṃ gahetvāva santaṃ bhikkhuṃ anuvattanto attano senāsaṇaṃ aggahetvā vasati, yāva so na gaṇhāti, tāva taṃ senāsaṇaṃ purimabhikkhusseva palibodho. Yadā pana so senāsaṇaṃ gahetvā attano issariyena vasati, tato paṭṭhāya āgantukasseva palibodho. Sace ubhopi vibhajitvā gaṇhanti, ubhinnaṃpi palibodho.

83. Về các sàng tọa, đây là sự quyết định về việc cần hỏi và không cần hỏi – trường hợp phòng dài hoặc nhà lá ở trên mặt đất, hoặc nhà làm trên các cột gỗ là nơi mới có thể làm tổ, khi ra đi khỏi nơi đó thì phải hỏi han rồi mới đi. Nếu nơi đó không được trông coi trong vài ngày, các tổ mới sẽ hình thành. Tuy nhiên, đối với sàng tọa làm trên nền đá hoặc trên các cột đá, hang động trên vách đá, hoặc sàng tọa đã được trét vôi vữa, ở những nơi không có nguy cơ bị mối mọt, người ra đi khỏi đó được phép đi dù có hỏi han hay không,

nhưng việc hỏi han là bốn phận. Nếu ở một sàng tọa như vậy mà mỗi có thể leo lên từ một phía, thì phải hỏi han rồi mới đi. Vị Tỳ-khưu khách nào, sau khi đã nhận sàng tọa của Tăng, nhưng vẫn theo hầu vị Tỳ-khưu có mặt ở đó và ở mà không lấy sàng tọa cho mình, thì cho đến khi vị ấy chưa nhận, sàng tọa đó vẫn thuộc trách nhiệm của vị Tỳ-khưu trước. Nhưng khi vị ấy đã nhận sàng tọa và ở theo quyền của mình, thì từ đó về sau, trách nhiệm thuộc về vị khách. Nếu cả hai cùng phân chia và nhận, thì cả hai đều có trách nhiệm.

Mahāpaccariyaṃ pana vuttaṃ – sace dve tayo ekato hutvā paññapenti, gamanakāle sabbehi āpucchitabbaṃ. Tesu ce paṭhamam gacchanto “pacchimo jaggissatī”ti ābhogaṃ katvā gacchati, vaṭṭati, pacchimassa ābhogena mutti natthi. Bahū ekaṃ pesetvā santharāpenti, gamanakāle sabbehi vā āpucchitabbaṃ, ekaṃ vā pesetvā āpucchitabbaṃ. Aññato mañcapīṭhādīni ānetvā aññatra vasitvā gamanakāle tattheva netabbāni. Sace aññato ānetvā vasamānassa añño vuḍḍhataro āgacchati, na paṭibāhitabbo, “mayā, bhante, aññāvāsato ānītaṃ, pākatikaṃ kareyyāthā”ti vattabbaṃ. Tena “evaṃ karissāmī”ti sampaticchite itarassa gantum vaṭṭati. Evaṃ aññattha haritvāpi saṅghikaparibhogena paribhuñjantassa hi natṭhaṃ vā jīṇaṃ vā corehi vā haṭaṃ gīvā neva hoti, puggalikaparibhogena paribhuñjantassa pana gīvā hoti. Aññassa mañcapīṭhaṃ pana saṅghikaparibhogena vā puggalikaparibhogena vā paribhuñjantassa natṭhaṃ gīvāyeva. Antovihāre seyyaṃ santharitvā “ajjeva āgantvā paṭijaggissāmī”ti evaṃ sāpekkho nadīpāraṃ gāmantaṃ vā gantvā yatthassa gamanacittaṃ uppannaṃ, tattheva ṭhito kañci pesetvā āpucchati, nadīpūrarājacorādīsu vā kenaci palibodho hoti upadduto, na sakkoti paccāgantum, evambhūtaṃ anāpatti.

Tuy nhiên, trong **sách Đại Toát Yếu** có nói rằng – nếu hai hay ba người cùng nhau trải dọn, khi đi tất cả đều phải hỏi han. Nếu trong số họ, người đi trước nghĩ rằng “người sau sẽ trông coi” rồi đi, thì được phép, người sau không thể thoát khỏi trách nhiệm bằng cách suy nghĩ như vậy. Nhiều người sai một người đi trải, khi đi tất cả phải hỏi han, hoặc sai một người đi hỏi han. Đem giường ghế v.v. từ nơi khác đến, ở một nơi khác, khi đi phải mang về lại chỗ cũ. Nếu đang ở sau khi mang từ nơi khác đến mà có một vị trưởng thượng khác đến, thì không được ngăn cản, phải nói rằng: “Thưa ngài, con đã mang từ trú xứ khác đến, xin ngài hãy làm cho nó trở lại như cũ.” Khi vị ấy đã đồng ý “tôi sẽ làm như vậy,” thì người kia được phép ra đi. Như vậy, đối với người mang đi nơi khác rồi sử dụng theo cách thọ dụng của Tăng, nếu bị mất, bị cũ, hoặc bị trộm lấy đi thì không phải chịu trách nhiệm. Nhưng nếu sử dụng theo cách thọ dụng cá nhân thì phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, đối với giường ghế của người khác, dù sử dụng theo cách thọ dụng của Tăng hay thọ dụng cá nhân, nếu bị mất thì đều phải chịu trách nhiệm. Vị Tỳ-khưu đã trải vật để nằm trong trú xứ, với ý định “hôm nay tôi sẽ quay lại và chăm sóc,” rồi đi qua sông hoặc đến làng khác, ở nơi nào ý định ra đi của vị ấy phát sinh, vị ấy đứng ngay tại đó sai người nào đó đi hỏi han, hoặc bị ngăn trở bởi lụt lội, vua chúa, trộm cướp, bị tai họa, không thể trở về được, trường hợp như vậy thì vô tội.

Vihārassa upacāre pana upaṭṭhānasālāya vā maṇḍape vā rukkhamaṇḍale vā seyyaṃ santharitvā vā santharāpetvā vā taṃ pakkamanto neva uddharati na uddharāpeti anāpuccham vā gacchati, dukkaṭaṃ. Vuttappakārañhi dasavidhaṃ seyyaṃ antogabbhādimhi guttaṭṭhāne paññapetvā gacchantassa yasmā seyyāpi senāsanampi upacikāhi palujjati, vammikarāsiyeva hoti, tasmā pācittiyaṃ vuttaṃ. Bahi pana upaṭṭhānasālādīsu paññapetvā gacchantassa seyyāmatteva nasseyya ṭhānassa

aguttatāya, na senāsanam, tasmā ettha dukkaṭam vuttam. Mañcapīṭham pana yasmā na sakkā sahasā upacikāhi khāyitum, tasmā tam vihārepi santharitvā gacchantassa dukkaṭam. Vihārassūpacāre upaṭṭhānasālāyam maṇḍape rukkhāmūlepi santharitvā pakkamantassa dukkaṭameva.

Tuy nhiên, ở trong khu vực phụ cận của trú xứ, tại nhà hội họp, nhà tròn, hoặc gốc cây, người nào đã tự mình trải hoặc cho người khác trải vật để nằm, khi ra đi không tự mình dọn dẹp, không cho người khác dọn dẹp, hoặc đi mà không hỏi han, thì phạm tội Tác Ác. Mười loại vật để nằm đã nói, khi trải ở nơi kín đáo như trong phòng v.v. rồi ra đi, vì cả vật để nằm và sàng tọa đều bị mối một phá hoại, chỉ còn lại đồng mối, nên đã quy định tội Ưng Đối Trị. Nhưng khi trải ở bên ngoài, ở nhà hội họp v.v. rồi ra đi, chỉ có vật để nằm bị hư hại do nơi đó không được bảo vệ, chứ không phải sàng tọa, vì vậy ở đây đã quy định tội Tác Ác. Tuy nhiên, giường và ghế vì không thể bị mối ăn ngay lập tức, nên người trải chúng trong trú xứ rồi ra đi thì phạm tội Tác Ác. Người trải chúng ở khu vực phụ cận của trú xứ, trong nhà hội họp, nhà tròn, hoặc gốc cây rồi ra đi cũng phạm tội Tác Ác.

84. “Yo pana bhikkhu saṅghikam mañcam vā pīṭham vā bhisim vā koccham vā ajjhokāse santharitvā vā santharāpetvā vā tam pakkamanto neva uddhareyya na uddharāpeyya anāpuccham vā gaccheyya, pācittiya”nti (pāci. 109) pana saṅghikāni mañcapīṭhādīni cattāri ajjhokāse santharitvā vā santharāpetvā vā uddharaṇādīni akatvā “ajjeva āgamissāmī”ti gacchantassapi thāmamajjhima purisassa leḍḍupātātikkame pācittiyam. Ettha **koccham** nāma vākamayam vā usīramayam vā muñjamayam vā pabbajamayam vā heṭṭhā ca upari ca vitthataṃ majjhe saṃkhittam paṇavasanthānam katvā baddham. Tam kira majjhe sīhabyagghacamma parikkhittampi karonti, akappiyacammaṃ nāmettha natthi. Senāsanañhi sovaṇṇamayampi vaṭṭati, tasmā tam mahaggham hoti.

84. “Vị Tỳ-khưu nào đã tự mình trải hoặc cho người khác trải giường, ghế, nệm, hoặc ghế bên của Tăng ở ngoài trời, khi ra đi không tự mình dọn dẹp, không cho người khác dọn dẹp, hoặc đi mà không hỏi han, thì phạm tội Ưng Đối Trị.” (pāci. 109). Bốn vật dụng của Tăng gồm giường, ghế v.v., sau khi đã tự mình trải hoặc cho người khác trải ở ngoài trời, không làm các việc như dọn dẹp v.v., dù đi với ý định “hôm nay tôi sẽ quay lại,” cũng phạm tội Ưng Đối Trị khi vượt qua khoảng cách một ném đất của người đàn ông sức trung bình. Ở đây, **ghế bên** là loại ghế được bên bằng vỏ cây, rễ hương bài, cỏ muñja, hoặc cỏ pabbajama, phần dưới và phần trên rộng, phần giữa thắt lại, có hình dáng như trống paṇava. Nghe nói rằng, người ta cũng làm loại ghế này có phần giữa bọc da sư tử, da cọp, ở đây không có loại da nào là không thích hợp. Sàng tọa dù làm bằng vàng cũng được phép, do đó nó rất quý giá.

“Anujānāmi, bhikkhave, aṭṭha māse avassikaṇkete maṇḍape vā rukkhāmūle vā yattha kākā vā kulalā vā na ūhadanti, tattha senāsanam nikkhipitu”nti (pāci. 110) pana vassikavassānamāsāti evaṃ apaññāte cattāro hemantike, cattāro gimhiketī aṭṭha māse

sākhāmaṇḍape vā padaramaṇḍape vā rukkhamaṇḍape vā nikkhipitum vaṭṭati. Yasmim pana kākā vā kulalā vā aññe vā sakuntā dhuvanivāsena kulāvake katvā vasanti, tassa rukkhassa mūle na nikkhipitabbam. “Aṭṭha māse”ti pana yesu janapadesu vassakāle na vassati, tesu cattāro māse nikkhipitum na vaṭṭatiyeva. “Avassikasaṅkete”ti pana yattha hemante devo vassati, tattha hemantepi ajjhokāse nikkhipitum na vaṭṭati. Gimhe pana sabbattha vigatavalāhakaṃ visuddham nataṃ hoti, evarūpe kāle kenacideva karaṇīyena ajjhokāse mañcapīṭham nikkhipitum vaṭṭati.

“Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trong tám tháng ở nơi không có mưa, được cất giữ sàng tọa trong nhà tròn, dưới gốc cây, nơi mà quạ hoặc diều hâu không ị bậy.” (pāci. 110). Tuy nhiên, vào những tháng mùa mưa như vậy mà không được xác định, thì được phép cất giữ trong tám tháng, tức là bốn tháng mùa đông và bốn tháng mùa hè, trong nhà tròn lợp bằng cành cây, nhà tròn lợp bằng ván, hoặc dưới gốc cây. Nhưng không được cất giữ dưới gốc cây nơi có quạ, diều hâu, hoặc các loài chim khác làm tổ và thường xuyên cư ngụ. “Trong tám tháng” có nghĩa là ở những quốc độ nào mà vào mùa mưa không có mưa, thì không được phép cất giữ trong bốn tháng đó. “Ở nơi không có mưa” có nghĩa là nơi nào trời mưa vào mùa đông, thì cũng không được phép cất giữ ngoài trời vào mùa đông. Tuy nhiên, vào mùa hè, ở khắp mọi nơi trời quang mây tạnh, trong sáng, vào thời điểm như vậy, nếu có việc cần thiết nào đó, được phép cất giữ giường ghế ngoài trời.

85. Abbhokāsikenapi vattam jānitabbam. Tassa hi sace puggalikamañcako atthi, tattheva sayitabbam. Saṅghikaṃ gaṇhantena vettena vā vākena vā vītamañcako gahetabbo, tasmim asati purāṇamañcako gahetabbo, tasmim asati navavāyimo vā onaddhako vā gahetabbo. Gahetvā pana “ahaṃ ukkaṭṭharukkhamaṇḍaliko ukkaṭṭhaabbhokāsiko”ti cīvarakuṭimpi akatvā asamaye ajjhokāse vā rukkhamaṇḍape vā paññapetvā nipajjitum na vaṭṭati. Sace pana catugguṇenapi cīvarena katā kuṭi atementam rakkhitem na sakkoti, sattāhavaddalikādīni bhavanti, bhikkhuno kāyānugatikattā vaṭṭati. Araññe paṇṇakuṭisu vasantānam sīlasampadāya pasannacittā manussā navaṃ mañcapīṭham denti “saṅghikaparibhogena paribhuñjathā”ti, vasitvā gacchantehi sāmantavihāre sabhāgabhikkhūnam pesetvā gantabbam, sabhāgānam abhāvena anovassake nikkhipitvā gantabbam, anovassake asati rukkhe laggetvā gantabbam. Cetiyaṅgaṇe sammajjanim gahetvā bhojanasālaṅgaṇam vā uposathāgāraṅgaṇam vā parivenadivāṭṭhānaaggisālādīsu vā aññataram sammajjitvā dhovitvā puna sammajjanimāḷakeyeva ṭhapetabbā. Uposathāgārādīsu aññatarasmim gahetvā avasesāni sammajjantassapi eseve nayo.

85. Người ở ngoài trời cũng cần biết bốn phận. Nếu vị ấy có giường cá nhân, thì nên nằm trên đó. Nếu nhận giường của Tăng, thì nên lấy giường đan bằng song hoặc vỏ cây; nếu không có, thì nên lấy giường cũ; nếu không có, thì nên lấy giường mới dệt hoặc giường có dây căng. Sau khi đã nhận, không được nghĩ rằng “ta là người có hạnh ở gốc cây khổ hạnh, người có hạnh ở ngoài trời khổ hạnh” rồi không làm cả lều bằng y, trải ra nằm ở ngoài trời hoặc gốc cây vào lúc không thích hợp. Tuy nhiên, nếu lều làm bằng y gấp bốn

lớp cũng không thể che chở khỏi ướt, có những trận mưa kéo dài bảy ngày v.v., thì được phép vì nó liên quan đến thân thể của Tỳ-khưu. Những người sống trong các am lá trong rừng, khi những người có lòng tin vào giới hạnh của họ dâng cúng giường ghế mới và nói rằng “xin hãy sử dụng theo cách thọ dụng của Tăng,” thì khi họ ở xong và ra đi, phải gửi cho các Tỳ-khưu đồng bạn ở trú xứ gần đó rồi mới đi, nếu không có các vị đồng bạn thì cất ở nơi không bị dột rồi đi, nếu không có nơi không bị dột thì treo lên cây rồi đi. Sau khi lấy chổi ở sân tháp, quét và rửa sân nhà ăn, sân nhà Bố-tát, hoặc một trong những nơi như sân liêu, chỗ nghỉ ban ngày, nhà bếp v.v., thì phải đặt chổi lại vào nhà để chổi. Người lấy chổi ở một trong các nơi như nhà Bố-tát v.v. rồi quét các nơi còn lại cũng theo cách này.

Yo pana bhikkhācāramaggaṃ sammajjanto gantukāmo hoti, tena sammajjitvā sace antarāmagge sālā atthi, tattha ṭhapetabbā. Sace natthi, valāhakānaṃ anuṭṭhitabhāvaṃ sallakkhetvā “yāvāhaṃ gāmato nikkhamāmi, tāva na vassissatī”ti jānantena yattha katthaci nikkhipitvā puna paccāgacchantena pākatikaṭṭhāne ṭhapetabbā. “Sace vassissatīti jānanto ajjhokāse ṭhabeti, dukkaṭa”nti **mahāpaccariyaṃ** vuttaṃ. Sace pana tatra tatveva sammajjanatthāya sammajjanī nikkhattā hoti, taṃ taṃ ṭhānaṃ sammajjitvā tatra tatveva nikkhipitum vaṭṭati, āsanasālaṃ sammajjantena vattaṃ jānitabbam. Tatridaṃ vattaṃ – majjhato paṭṭhāya pādaṭṭhānābhimukhā vālikā haritabbā, kacavaraṃ hatthehi gahetvā bahi chaḍḍetabbam.

Vị Tỳ-khưu nào muốn vừa đi vừa quét đường khát thực, sau khi quét xong, nếu có nhà nghỉ dọc đường, thì nên đặt chổi ở đó. Nếu không có, sau khi nhận thấy rằng mây chưa kéo lên, biết rằng “cho đến khi ta ra khỏi làng, trời sẽ không mưa,” thì có thể để ở bất cứ đâu, và khi trở về phải đặt lại chỗ cũ. Trong **sách Đại Toát Yếu** có nói: “Nếu biết rằng trời sẽ mưa mà vẫn để ngoài trời thì phạm tội Tác Ác.” Tuy nhiên, nếu chổi đã được để ở từng nơi để quét dọn chính nơi đó, thì sau khi quét dọn nơi đó, được phép để lại ngay tại đó. Người quét dọn nhà ngồi cần phải biết bốn phận. Bốn phận ở đây là – nên gom cát từ giữa ra phía chỗ để chân, nhặt rác bằng tay rồi đổ ra ngoài.

86. Sace vuttappakāraṃ catubbidhampi saṅghikaṃ senāsaṇaṃ ajjhokāse vā rukkhamaṇḍapaṃ vā maṇḍape vā anupasaṃpannena santharāpeti, yena santharāpitaṃ, tassa palibodho. Sace pana upasaṃpannena santharāpeti, yena santhataṃ, tassa palibodho. Tatrāyaṃ vinicchayo (pāci. aṭṭha. 111) – therō bhojanasālāyaṃ bhattakiccaṃ katvā daharaṃ āṇāpeti “gaccha divāṭṭhāne mañcapīṭhaṃ paññapehī”ti. So tathā katvā nisinno, therō yathāruci vicaritvā tattha gantvā thavikaṃ vā uttarāsaṅgaṃ vā ṭhabeti, tato paṭṭhāya therassa palibodho. Nisīditvā sayamaṃ gacchanta neva uddharati na uddharāpeti, leḍḍupātātikkame pācittiyaṃ. Sace pana therō tattha thavikaṃ vā uttarāsaṅgaṃ vā aṭṭhapetvā caṅkamantova daharaṃ “gaccha tva”nti bhaṇati, tena “idaṃ, bhante, mañcapīṭha”nti ācikkhitabbam. Sace therō vattaṃ jānāti, “tvaṃ gaccha, ahaṃ pākatikaṃ karissāmī”ti vattabbam. Sace bālo hoti anuggahitavatto, “gaccha, mā idha tiṭṭha, neva nisīditum na nipajjitum demī”ti daharaṃ tajjetiyeva. Daharena “bhante, sukhaṃ

sayathā''ti kappam labhivā vanditvā gantabbam. Tasmim gate therasseva palibodho, purimanayeneva cassa āpatti veditabbā.

86. Nếu cho người chưa thọ Cụ túc giới trải bốn loại sàng tọa của Tăng đã nói ở ngoài trời, dưới gốc cây, hoặc trong nhà tròn, thì người sai trải phải chịu trách nhiệm. Nhưng nếu cho người đã thọ Cụ túc giới trải, thì người trải phải chịu trách nhiệm. Ở đây, sự quyết định này như sau (pāci. aṭṭha. 111) – vị trưởng lão sau khi đã làm phận sự ăn uống trong nhà ăn, ra lệnh cho vị Tỳ-khưu trẻ: “Hãy đi trải giường ghế ở chỗ nghỉ ban ngày.” Vị ấy làm như vậy rồi ngồi đó, vị trưởng lão đi dạo theo ý thích rồi đến đó đặt túi đựng đồ hoặc y vai trái xuống, từ đó về sau trách nhiệm thuộc về vị trưởng lão. Sau khi ngồi rồi tự mình đi mà không dọn dẹp, không cho người khác dọn dẹp, thì phạm tội Ưng Đối Trị khi vượt qua khoảng cách một ném đất. Tuy nhiên, nếu vị trưởng lão không đặt túi đựng đồ hoặc y vai trái ở đó mà chỉ đi kinh hành rồi bảo vị trẻ: “Con hãy đi đi,” thì vị ấy phải nói rằng: “Thưa ngài, đây là giường ghế.” Nếu vị trưởng lão biết bốn phận, thì phải nói: “Con cứ đi, ta sẽ làm cho nó trở lại như cũ.” Nếu là người khờ dại, không được dạy dỗ về bốn phận, thì chỉ mắng vị trẻ: “Đi đi, đừng đứng đây, ta không cho ngồi cũng không cho nằm.” Vị trẻ nên được phép làm điều thích hợp, nói rằng: “Thưa ngài, xin ngài hãy an nghỉ,” rồi đánh lễ và ra đi. Khi vị ấy đi rồi, trách nhiệm thuộc về vị trưởng lão, và tội của vị ấy cần được hiểu theo cách đã nói ở trước.

Atha pana āṇattikkhaṇe ya eva daharo ''mayham bhaṇḍe bhaṇḍadhovanādi kiñci karaṇīyam atthi''ti vadati, thero pana tam ''paññapetvā gacchāhi''ti vatvā bhojanasālato nikkhamitvā aññattha gacchati, pāduddhārena kāretabbo. Sace tattheva gantvā nisīdati, purimanayeneva cassa leḍḍupātātikame āpatti. Sace pana thero sāmaṇeraṃ āṇāpeti, sāmaṇere tattha mañcapīṭhaṃ paññapetvā nisinnepi bhojanasālato aññattha gacchanto pāduddhārena kāretabbo. Gantvā nisinno puna gamanakāle leḍḍupātātikame āpattiya kāretabbo. Sace pana āṇāpento ''mañcapīṭhaṃ paññapetvā tattheva nisīdā''ti āṇāpeti, yatricchati, tatra gantvā āgantum labhati. Sayam pana pākatikaṃ akatvā gacchantassa leḍḍupātātikame pācittiyam. Antarasannipāte mañcapīṭhādīni paññapetvā nisinnehi gamanakāle ārāmikānaṃ ''idaṃ paṭisāmethā''ti vattabbam, avatvā gacchantānaṃ leḍḍupātātikame āpatti.

Nếu ngay lúc được ra lệnh, vị trẻ nói rằng: “Con có việc cần làm như giặt đồ dùng của con,” nhưng vị trưởng lão nói: “Hãy trải xong rồi đi,” rồi rời khỏi nhà ăn đi nơi khác, thì vị ấy phải bị phạt (tính tội) từ lúc nhắc chân. Nếu đến đó ngồi, thì vị ấy phạm tội khi vượt qua khoảng cách một ném đất theo cách đã nói ở trước. Tuy nhiên, nếu vị trưởng lão ra lệnh cho sa-di, dù sa-di đã trải giường ghế và ngồi đó, vị trưởng lão đi từ nhà ăn đến nơi khác cũng phải bị phạt từ lúc nhắc chân. Sau khi đến ngồi, khi ra đi lại phải bị phạt tội khi vượt qua khoảng cách một ném đất. Tuy nhiên, nếu khi ra lệnh, vị ấy ra lệnh rằng: “Hãy trải giường ghế rồi ngồi ngay đó,” thì vị ấy được phép đi đến nơi nào mình muốn rồi quay lại. Nhưng nếu tự mình không làm cho nó trở lại như cũ mà ra đi, thì phạm tội Ưng Đối Trị

khi vượt qua khoảng cách một ném đất. Những người ngồi sau khi đã trải giường ghế v.v. trong cuộc họp giữa chừng, khi đi phải nói với những người phục vụ trong chùa: “Hãy cất dọn cái này,” những người đi mà không nói thì phạm tội khi vượt qua khoảng cách một ném đất.

87. Mahādharmassavanaṃ nāma hoti, tattha uposathāgāratopi bhojanasālatopi āharitvā mañcapīṭhāni paññapenti, āvāsikānaṃyeva palibodho. Sace āgantukā “idaṃ amhākaṃ upajjhāyassa, idaṃ ācariyassā”ti gaṇhanti, tato paṭṭhāya tesam palibodho. Gamanakāle pākatikaṃ akatvā leḍḍupātaṃ atikkamantānaṃ āpatti. **Mahāpaccariyaṃ** pana vuttaṃ “yāva aññe na nisīdanti, tāva yehi paññattaṃ, tesam bhāro, aññesu āgantvā nisinnesu nisinnakānaṃ bhāro. Sace te anuddharitvā vā anuddharāpetvā vā gacchanti, dukkaṭaṃ. Kasmā? Anāṇattiyā paññapitattā”ti. Dhammāsane paññatte yāva ussārako vā dhammakathiko vā nāgacchati, tāva paññāpakānaṃ palibodho. Tasmiṃ āgantvā nisinne tassa palibodho. Sakalaṃ ahorattaṃ dhammassavanaṃ hoti, añño ussārako vā dhammakathiko vā uṭṭhāti, añño nisīdati, yo yo āgantvā nisīdati, tassa tasseva bhāro. Uṭṭhahantena pana “idaṃāsaṃ tumhākaṃ bhāro”ti vatvā gantabbam. Sacepi itarasmim anāgate paṭhamam nisinno uṭṭhāya gacchati, tasmiṃ antoupacāraṭṭheya itaro āgantvā nisīdati, uṭṭhāya gato āpattiyā na kāretabbo. Sace pana itarasmim anāgateya itaro paṭhamam nisinno uṭṭhāyāsanā leḍḍupātaṃ atikkamati, āpattiyā kāretabbo. “Sabbattha leḍḍupātātikame paṭhamapāde dukkaṭaṃ, dutiyapāde pācittiya”nti ayaṃ nayo **mahāpaccariyaṃ** vuttoti.

87. Có một buổi nghe pháp lớn, người ta mang giường ghế từ nhà Bố-tát và nhà ăn đến trải, trách nhiệm thuộc về các vị Tỳ-khưu thường trú. Nếu các vị khách nhận và nói: “Cái này cho thầy tế độ của chúng tôi, cái này cho giáo thọ sư của chúng tôi,” thì từ đó về sau, trách nhiệm thuộc về họ. Khi ra đi, những người không làm cho nó trở lại như cũ mà vượt qua khoảng cách một ném đất thì phạm tội. Tuy nhiên, trong **sách Đại Toát Yếu** có nói: “Cho đến khi người khác chưa ngồi, gánh nặng thuộc về những người đã trải; khi người khác đến ngồi, gánh nặng thuộc về những người đang ngồi. Nếu họ đi mà không dọn dẹp hoặc không cho người khác dọn dẹp, thì phạm tội Tác Ác. Tại sao? Vì đã trải mà không có sự ra lệnh.” Khi pháp tòa đã được trải, cho đến khi người điều phối hoặc người thuyết pháp chưa đến, trách nhiệm thuộc về những người trải. Khi vị ấy đến ngồi, trách nhiệm thuộc về vị ấy. Buổi nghe pháp diễn ra suốt cả ngày đêm, người điều phối hoặc người thuyết pháp khác đứng lên, người khác ngồi xuống, người nào đến ngồi, gánh nặng thuộc về người đó. Tuy nhiên, người đứng lên phải nói: “Chiếc ghế này là gánh nặng của các vị” rồi mới đi. Nếu ngay cả khi người khác chưa đến, người ngồi trước đã đứng dậy ra đi, và khi người ấy vẫn còn trong khu vực phụ cận, người khác đến ngồi, thì người đã đứng dậy ra đi không bị phạt tội. Tuy nhiên, nếu khi người khác chưa đến, người ngồi trước đã đứng dậy khỏi ghế và vượt qua khoảng cách một ném đất, thì phải bị phạt tội. “Ở khắp mọi nơi, khi vượt qua khoảng cách một ném đất, ở bước chân đầu tiên phạm tội Tác Ác, ở bước

chân thứ hai phạm tội Ưng Đối Trị,” cách này được nói trong **sách Đại Toát Yếu**.

88. Sace pana vuttappakārasenāsanato aññaṃ saṅghikaṃ cimilikaṃ vā uttarattharaṇaṃ vā bhūmattharaṇaṃ vā taṭṭikaṃ vā cammakhaṇḍaṃ vā pādapuñchanim vā phalakapīṭhaṃ vā ajjhokāse santharitvā vā santharāpetvā vā taṃ pakkamanto neva uddharati na uddharāpeti anāpucchamaṃ vā gacchati, dukkaṭamaṃ. Ādhāraṃ pattapīḍhānaṃ pādakaṭhalikaṃ tālavaṇṭaṃ bījanipattakaṃ yaṃ kiñci dārubhaṇḍaṃ antamaso pāṇīyaḷuṅkaṃ pāṇīyaśaṅkhaṃ ajjhokāse nikkhipitvā gacchantassapi dukkaṭamaṃ. Ajjhokāse rajanaṃ pacitvā rajanabhājanaṃ rajanaḷuṅko rajanadoṇikāti sabbaṃ aggisālāya paṭisāmetabbaṃ. Sace aggisālā natthi, anovassake pabbhāre nikkhipitabbaṃ. Tasmimpi asati yattha olokentā bhikkhū passanti, tādise ṭhāne ṭhapetvā gantumaṃ vaṭṭati. Aññaṃ puggalike pana mañcapīṭhādisenāsanepi dukkaṭameva. Ettha pana “yasmaṃ viśāsaggāho na ruhati, tassa santake dukkaṭamaṃ. Yasmaṃ pana viśāsaggāho ruhati, tassa santakaṃ attano puggalikameva hotī”ti **mahāpaccariyā**disu vuttaṃ. Attano puggalike pana anāpattiyeva. Yo bhikkhu vā sāmaṇero vā ārāmiko vā lajjī hoti, attano palibodhaṃ viya maññati, tathārūpaṃ anāpucchitvā gacchantassapi anāpatti. Yo pana ātape otāpento “āgantvā uddharissāmī”ti gacchati, tassapi anāpatti.

88. Tuy nhiên, nếu một vật dụng của Tăng khác với loại sàng tọa đã nói, như tấm lót sàn, tấm trải bên trên, tấm trải đất, tấm chiếu, mảnh da, khăn lau chân, hoặc ghế ván, được tự mình trải hoặc cho người khác trải ở ngoài trời, khi ra đi không tự mình dọn dẹp, không cho người khác dọn dẹp, hoặc đi mà không hỏi han, thì phạm tội Tác Ác. Người để ở ngoài trời vật đỡ, nắp đậy bát, giá để chân, quạt lá cọ, quạt lông, bất kỳ đồ gỗ nào, cho đến cả gáo múc nước, vỏ ốc múc nước, rồi ra đi cũng phạm tội Tác Ác. Sau khi nấu thuốc nhuộm ở ngoài trời, phải cất dọn tất cả chậu nhuộm, gáo nhuộm, máng nhuộm vào nhà bếp. Nếu không có nhà bếp, thì phải cất ở hang núi không bị đốt. Nếu cũng không có nơi đó, thì được phép để ở nơi mà các Tỳ-khưu nhìn thấy rồi ra đi. Tuy nhiên, đối với sàng tọa như giường, ghế v.v. của cá nhân khác, cũng chỉ phạm tội Tác Ác. Ở đây, trong các sách như **Đại Toát Yếu** có nói: “Đối với tài sản của người mà sự tin tưởng thân thiết không thể có được, thì phạm tội Tác Ác. Còn đối với tài sản của người mà sự tin tưởng thân thiết có thể có được, thì nó trở thành tài sản cá nhân của mình.” Tuy nhiên, đối với tài sản cá nhân của mình, thì vô tội. Vị Tỳ-khưu, sa-di, hoặc người phục vụ trong chùa nào có lòng hổ thẹn, xem đó như là trách nhiệm của mình, người đi mà không hỏi han người như vậy cũng vô tội. Người nào phớt lờ với ý định “tôi sẽ quay lại và dọn dẹp” rồi đi, vị ấy cũng vô tội.

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaśaṅgahe

Như thế này trong bộ Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāli,

Mañcapīṭhādisaṅghikasenāsanesu

Lời Thuyết Về Sự Quyết Định Cần Phải Thực Hành ở các Sàng Tọa

Paṭipajjitabbavinicchaya kathā samattā.

Thuộc Tăng Như Giường, Ghế, v.v. đã chấm dứt.